TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NINH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2018/DS-PT
Ngày 17 - 01 - 2018
V/v tranh chấp "Tranh chấp lối đi chung".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Bích Hồng
Các Thẩm phán: Bà Ngô Thị Trang
Ông Võ Văn Lập.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Tâm là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Hiển - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 19/2017/TLPT-DS ngày 01 tháng 11 năm 2017 về việc "Tranh chấp lối đi chung".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2017/DS-ST ngày 17 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 29/2017/QĐ-PT ngày 14 tháng 11 năm 2017, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1/. Ông Trương C, sinh năm 1966 (có mặt)

Địa chỉ: Khu phố 2, phường M, thành phố R, tỉnh Ninh Thuận.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Trương C: Ông Lâm Thế N - Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Ninh Thuận (có mặt).

2/. Ông Trương C1, sinh năm 1946 (có mặt)

3/. Bà Trương Thị C2, sinh năm 1951 (có mặt)

4/. Ông Sử Kỳ P, sinh năm 1978 (vắng mặt)

Người đại diện theo Giấy ủy quyền ngày 16/11/2017 của ông Sử Kỳ P: Bà

Đoàn Thị H, sinh năm 1976 (có mặt)

5/. Ông Trương C3, sinh năm 1959 (có mặt)

6/. Ông Trương C4, sinh năm 1962 (có mặt)

7/. Bà Trương Thị L, sinh năm 1957 (có mặt)

Cùng địa chỉ: Khu phố 2, phường M, thành phố R, tỉnh Ninh Thuận.

- Bị đơn: Bà Lê Thị Kim H1, sinh năm 1964 (có mặt)

Địa chỉ: Khu phố 2, phường M, thành phố R, tỉnh Ninh Thuận.

Người kháng cáo: Bị đơn bà Lê Thị Kim H1.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Nguyên đơn ông Trương C, ông Trương C1, bà Trương Thị C2, ông Sử Kỳ P, ông Trương C3, ông Trương C4, bà Trương Thị L cùng trình bày:

Các ông bà là con của ông Trương D. Ngày 03/7/1957, ông Trương D có nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn T một thửa đất. Ngày 08/8/1963, Ty điền địa tỉnh Ninh Thuận đã cấp Chứng thư kiến điền, kèm theo bản đồ thửa đất này cho ông D. Hiện nay thửa đất này tọa lạc tại khu phố 2, phường M, thành phố R, tỉnh Ninh Thuận.

Vào thời điểm vợ chồng ông D sử dụng thửa đất đã có lối đi chung dẫn vào thửa đất. Sau này, vợ chồng ông D đã phân chia thửa đất này cho các con, cụ thể:

Ông Trương C được nhận tổng cộng 3.120 m^2 đất thuộc thửa đất số 668, tờ bản đồ địa chính số 3 phường M và các thửa đất số 494, 495, 500, 504 cùng tờ bản đồ địa chính số 02 phường M đã được Ủy ban nhân dân thị xã R cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00010 QSDĐ/DM-Đ1 ngày 10/10/1994.

Bà Trương Thị C2 được nhận 492 m^2 đất thuộc thửa đất số 58, tờ bản đồ địa chính số 09 phường M đã được Ủy ban nhân dân thành phố R cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE 541460 ngày 01/6/2011.

Bà Trương Thị E được nhận 451,4 m^2 đất thuộc Thửa đất số 181, tờ bản đồ địa chính số 09 phường M. Bà E đã tặng cho thửa đất này cho con bà là ông Sử Kỳ P. Thửa đất số 181, tờ bản đồ địa chính số 09 phường M đã được Ủy ban nhân dân thành phố R cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BU 125759 ngày 25/8/2014 cho người sử dụng đất là ông Sử Kỳ P.

Ông Trương C3 được nhận 920,6 m^2 đất thuộc thửa đất số 36, tờ bản đồ địa chính số 9 phường M đã được Ủy ban nhân dân thành phố R cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BĐ 986267 ngày 17/02/2011.

Ông Trương C4 được nhận 1.869,8 m^2 đất thuộc thửa đất số 77, tờ bản đồ địa chính số 9 phường M đã được Ủy ban nhân dân thành phố R cấp Giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE 327322 ngày 04/5/2011.

Bà Trương Thị L được nhận 468,5 m^2 đất thuộc thửa đất số 51, tờ bản đồ địa chính số 9 phường M đã được Ủy ban nhân dân thành phố R cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BĐ 986266 ngày 17/02/2011.

Ngày 01/6/2016, bà Lê Thị Kim H1 tự ý xây trụ cổng lấn chiếm lối đi chung, gây khó khăn cho các ông bà đi lại vào các thửa đất nói trên. Các ông bà đã gửi đơn khiếu nại đến Ủy ban nhân dân phường M nhưng hòa giải không thành.

Nay các ông bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Lê Thị Kim H1 phải tháo dỡ trụ cổng, trả lại lối đi chung như hiện trạng trước đây.

- Bị đơn bà Lê Thị Kim H1 trình bày:

Diện tích đất mà các Nguyên đơn ông C, ông C1, bà C2, ông P, ông C3, ông C4, bà L cho rằng là lối đi chung, là đất của cha bà, nằm trong chứng thư kiến điền ngày 08/8/1963.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2013/DS-ST ngày 11/9/2013 của Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang – Tháp Chàm đã quyết định bà được nhận thừa kế của cha bà là ông Lê C5, cụ thể bà được quyền sử dụng Thửa đất số 197, tờ bản đồ địa chính số 9 phường M có diện tích 363,7 m^2. Bản án này đã có hiệu lực pháp luật nhưng chưa được thi hành. Ngày 01/6/2016 bà có xây dựng một trụ cổng bằng gạch xi măng trên một phần diện tích đất của Thửa đất số 197 này.

Các ông C, ông C1, bà C2, ông P, ông C3, ông C4, bà L vẫn có lối đi là đường mương từ đường Đồng Dậu đi xuống để đi vào đất của họ.

Vì vậy, bà không đồng ý với toàn bộ nội dung yêu cầu khởi kiện của các Nguyên đơn.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2017/DS-ST ngày 17 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang – Tháp Chàm đã quyết định:

- Áp dụng: Khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 12, Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

- Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

Buộc bà Lê Thị Kim H1 có nghĩa vụ tháo dỡ trụ cổng bằng gạch có thể tích 0,35m^3 (0,5m x 0,5m x 1,4m) nằm trên đường đi chung có diện tích 75,6m^2 có vị trí tứ cận: Phía Đông giáp đất ông Lộc; Phía Tây giáp đất bà Lê Thị Kim H1; Phía Bắc giáp đường đi; Phía Nam giáp mương Cố.

Bà Lê Thị Kim H1 có nghĩa vụ trả lại đường đi chung có diện tích 75,6 m^2, có vị trí tứ cận: Phía Đông giáp đất ông Lộc; Phía Tây giáp đất bà Lê Thị Kim H1; Phía Bắc giáp đường đi; Phía Nam giáp mương Cố cho các Nguyên đơn: ông Trương C, ông Trương C1, bà Trương Thị C2, ông Sử Kỳ P, ông Trương C3, ông Trương C4, bà Trương Thị L.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm, quyền thỏa thuận thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 29/8/2017, Bị đơn bà Lê Thị Kim H1 làm đơn kháng cáo và nộp đơn

kháng cáo Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2017/DS-ST ngày 17 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm cho Tòa án. Nội dung kháng cáo: Kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2017/DS-ST ngày 17 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang – Tháp Chàm. Vì lý do bà H1 không lấn chiếm đường đi, bà H1 xây dựng cổng trụ bê tông trên Thửa đất số 197, tờ bản đồ địa chính số 9 phường M, thành phố R, tỉnh Ninh Thuận là tài sản bà H1 được nhận thừa kế của cha mẹ bà là vợ chồng ông Lê C5, bà Võ Thị L1. Đường đi chung này là của 10 người con của vợ chồng ông C5 bà L1, không phải là đường đi chung của những người ngoài khác.

- Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà, Thư ký Toà án và các Thẩm phán tham gia phiên toà đã chấp hành đúng các quy định về: Thụ lý xét xử phúc thẩm, chuẩn bị xét xử phúc thẩm, triệu tập những người tham gia xét xử phúc thẩm theo quy định tại các Điều 285, 286, 294 Bộ luật tố tụng dân sự;

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi Toà án cấp phúc thẩm thụ lý cho vụ án cho đến thời điểm xét xử tại phiên toà hôm nay đã thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 71, 72, 73, 86, 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ tài liệu, hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2017/DS-ST ngày 17 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang – Tháp Chàm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- Về thủ tục tố tụng:

Tại phiên tòa phúc thẩm, Nguyên đơn ông Sử Kỳ P vắng mặt. Ông P ủy quyền cho bà Đoàn Thị H tham gia tố tụng theo Giấy ủy quyền ngày 16 tháng 11 năm 2017 (BL 201). Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vụ án vắng mặt ông P.

- **Về nội dung:** Tại phiên tòa phúc thẩm, các Nguyên đơn ông Trương C, ông Trương C1, bà Trương Thị C2, ông Sử Kỳ P ủy quyền cho bà Đoàn Thị H tham gia tố tụng, ông Trương C3, ông Trương C4, bà Trương Thị L không rút đơn khởi kiện; Bị đơn bà Lê Thị Kim H1 không thay đổi, bổ sung, không rút đơn kháng cáo. Các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án. Qua các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung trình bày của các đương sự được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp lối đi chung" được quy định trong Luật đất đai năm 2013, Bộ luật dân sự năm 2005 là đúng quy định pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Nguyên đơn ông C và các Nguyên đơn là ông Trương C1, bà Trương Thị C2, ông Sử Kỳ P ủy quyền cho bà Đoàn Thị H, ông Trương C3, ông Trương C4, bà Trương Thị L đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn; không

chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của Bị đơn bà H1;

Xét yêu cầu kháng cáo của Bị đơn bà H1 có nội dung: Kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2017/DS-ST ngày 17 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố R. Vì lý do: Bà H1 không lấn chiếm đường đi, bà H1 xây dựng cổng trụ bê tông trên Thửa đất số 197, tờ bản đồ địa chính số 9 phường M, thành phố R, tỉnh Ninh Thuận là tài sản bà H1 được nhận thừa kế của cha mẹ bà là vợ chồng ông Lê C5, bà Võ Thị L1. Đường đi chung này là của 10 người con của vợ chồng ông C5 bà L1, không phải là đường đi chung của những người ngoài khác.

Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

- Tại Đơn xin đăng ký quyền sử dụng ruộng đất ngày 10/9/1995 (BL 80) thể hiện: Hộ ông Lê C5 đăng ký quyền sử dụng đất đối với tổng diện tích 2.872 m^2 thuộc thửa đất số 505 và thửa đất số 507 cùng tờ bản đồ địa chính số 02 phường M, thành phố R. Ngày 27/6/1996, ông Lê C5 được Ủy ban nhân dân thị xã R cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00343 QSDĐ/Đ5-ĐM, tổng diện tích 2.872 m^2 thuộc thửa đất số 505 và thửa đất số 507 cùng tờ bản đồ địa chính số 02 phường M (BL 78).

- Tại Công văn số 451/UBND-TN.MT ngày 08/5/2015 của Ủy ban nhân dân thành phố R (BL 69), thể hiện: Thửa đất số 505 tờ bản đồ 299/TTg số 02 diện tích 1.664m^2 có cạnh hướng Đông giáp đường đi có chiều dài 37,5m. Thửa đất số 197, tờ bản đồ địa chính số 9 phường M được trích từ Thửa đất số 505 tờ bản đồ 299/TTg số 02 đều có cạnh hướng Đông giáp đường đi. Mặt khác, qua đối soát xác định: Việc chiều dài cạnh hướng Đông và cạnh hướng Tây của Thửa đất số 505 tờ bản đồ 299/TTg số 02 tăng theo bản đối soát là tăng về phía Bắc và phía Nam, mà cả hai phía này đều giáp đường nhưng hiện nay không thay đổi, không nhận chuyển nhượng, không lấn chiếm, không tranh chấp, được Ủy ban nhân dân phường M xác nhận.

- Tại Tờ bản đồ số 299 tờ số 02 phường M năm 1993 (BL 90a) và Tờ bản đồ số 299 tờ số 02 phường M năm 1998 (BL 90b) đều thể hiện: Tại vị trí đất tranh chấp là đường đi do Ủy ban nhân dân phường M quản lý.

- Tại Biên bản làm việc ngày 09/01/2017 (BL 56), Người làm chứng ông Phan Văn T1 khai: Lối đi chung mà các đương sự tranh chấp được các hộ dân tại khu phố 2, phường M và các đương sự đang tranh chấp sử dụng làm lối đi chung từ năm 1975 đến nay, có chiều rộng khoảng 2m.

- Tại các Biên bản làm việc ngày 11/01/2017 (BL 54, 55), những Người làm chứng ông Sử Kỳ V, ông Diệp Bình S khai: Phần lối đi chung các đương sự tranh chấp là lối đi chung tồn tại từ trước năm 1975, có chiều rộng khoảng 2m.

- Tại Biên bản định giá tài sản ngày 17/3/2017 (BL 89) của Hội đồng định giá do Tòa án cấp sơ thẩm thành lập thể hiện: Phần đất đang tranh chấp có diện tích 75,6 m^2, có vị trí tứ cận: Đông giáp đất bà Phan Thị T2 (đã chết), hiện do ông Lộc quản lý; Tây giáp đất bà Lê Thị Kim H1; Bắc giáp đường đi; Nam giáp mương Cố.

- Tại Biên bản hòa giải ngày 14/7/2017 (BL 82), Bị đơn bà H1 trình bày: Phần đất các Nguyên đơn cho rằng là lối đi chung không có trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Lê C5. Nhưng Bản án sơ thẩm số 09/2013/DS-ST ngày 11/9/2013 của Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang – Tháp Chàm đã có hiệu lực pháp luật, đã quyết định cho bà được quyền sử dụng phần đất này.

- Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2013/DS-ST ngày 11/9/2013 của Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang – Tháp Chàm (BL 72) và Trích lục bản đồ địa chính ngày 07/02/2012 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố R (BL 70), thể hiện: Bị đơn bà H1 được quyền sử dụng Thửa đất số 197, tờ bản đồ địa chính số 9 phường M có diện tích 363,7 m^2. Cạnh hướng Đông của Thửa đất 197 của bà H1 được quyền sử dụng tiếp giáp đường đi.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm, ngày 03/10/2017, Bị đơn bà H1 có đơn yêu cầu xem xét thẩm định tại chỗ và đo đạc xác định diện tích của Thửa đất số 197, tờ bản đồ địa chính số 9 phường M có diện tích 363,7 m^2 theo Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2013/DS-ST ngày 11/9/2013 của Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận đã có hiệu lực pháp luật (BL 183).

- Tại Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 06/12/2017 của Hội đồng xét xét thẩm định tại chỗ do Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận lập (BL 195 - BL 198), thể hiện: Trên phần đất các đương sự tranh chấp có hiện trạng là lối đường mòn, nối thông với đường đi vào các thửa đất các Nguyên đơn đang quản lý, sử dụng.

- Tại Trích lục bản đồ địa chính ngày 17/01/2018 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Ninh Thuận (BL 202), thể hiện: Thửa đất 197 (BCDGH) theo Trích lục số 274/VPĐKQSDĐ có diện tích 363,7 m^2; cạnh phía Bắc Thửa đất số 197 giáp đường đi cự ly BD = BC (2,3m) + CD (8,3m) = 10,6m. Thửa đất số 196 (BCDGH) theo Trích lục số 275/VPĐKQSDĐ có diện tích 475,4 m^2. Trong đó phần diện tích (BCH) là phần đất Thửa 196 sử dụng chồng lấn với Thửa 197 là 45,1 m^2. Phần diện tích (DEFG) là lối đi các đương sự tranh chấp có diện tích 81,4 m^2.

- Tại phiên tòa phúc thẩm, Bị đơn bà H1 trình bày: Sau khi Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2013/DS-ST ngày 11/9/2013 của Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang – Tháp Chàm có hiệu lực, bà H1 và những người thừa kế khác tự phân chia đất như đúng hiện trạng sử dụng đất và theo trích lục bản đồ địa chính kèm theo Bản án này.

Từ những căn cứ trên, đủ cơ sở xác định: Diện tích đất đang tranh chấp là 81,4m^2, theo đo đạc tại Trích lục bản đồ địa chính ngày 17/01/2018 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Ninh Thuận không nằm trong diện tích đất của Thửa đất 197 có diện tích 363,7 m^2 mà bà H1 được quyền sử dụng theo Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2013/DS-ST ngày 11/9/2013 của Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang – Tháp Chàm; Diện tích 81,4m^2 đất này là lối đi chung, do Ủy ban nhân dân phường M quản lý.

Xét thấy, Hội đồng định giá do Tòa án cấp sơ thẩm thành lập chỉ đo đạc diện tích đất tranh chấp, không đo đạc tổng thể diện tích đất mà bà H1 và những người thừa kế của vợ chồng ông Lê C5 bà Võ Thị L1 được nhận thừa kế theo Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2013/DS-ST ngày 11/9/2013 của Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang – Tháp Chàm để xác định diện tích đất tranh chấp có nằm trong diện tích đất của Thửa đất 197 tờ bản đồ địa chính số 9 phường M mà bà H1 được nhận thừa kế hay không, nên đã dẫn đến việc xác định diện tích đất tranh chấp là 75,6m^2 là không chính xác; Trích lục bản đồ địa chính không ghi ngày, tháng, chỉ ghi năm 2017, không có chữ ký, đóng dấu của người có thẩm quyền (BL 93). Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2017/DS-ST ngày 17 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang – Tháp Chàm không có Trích lục bản đồ địa chính kèm theo, nên sẽ khó khăn cho việc thi hành án. Vì vậy, tuy không có cơ sở để chấp nhận nội dung yêu cầu kháng cáo của bà Lê Thị Kim H1, nhưng vẫn phải sửa bản án sơ thẩm.

Với phân tích đánh giá chứng cứ nói trên; Căn cứ Khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử phúc chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa; Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2017/DS-ST ngày 17 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận theo hướng xác định đường đi chung có diện tích 81,4 m^2 theo Trích lục bản đồ địa chính ngày 17/01/2018 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Ninh Thuận.

- Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ tại Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, Nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ chi phí này, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ tại Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận: Do không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của Bị đơn bà H1 nên bà H1 phải chịu toàn bộ 2.000.000 đồng chi phí này.

- Về án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa bản án dân sự sơ thẩm, nên bà H1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng: Khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2017/DS-ST ngày 17 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

Không chấp nhận nội dung kháng cáo của Bị đơn bà Lê Thị Kim H1.

- Áp dụng: Khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, Điều 148, Điều 157, Điều 165, Điều 266, khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 12, Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

- Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

1/. Buộc bà Lê Thị Kim H1 có nghĩa vụ tháo dỡ trụ cổng bằng gạch có thể tích 0,35m^3 (0,5m x 0,5m x 1,4m) nằm trên đường đi chung có diện tích 81,4 m^2 đất, vị trí tứ cận: Phía Đông giáp đất ông Lộc; Phía Tây giáp đất bà Lê Thị Kim H1; Phía Bắc giáp đường đi; Phía Nam giáp mương Cố.

2/. Bà Lê Thị Kim H1 có nghĩa vụ trả lại đường đi chung có diện tích 81.4 m^2 đất, có vị trí tứ cận: Phía Đông giáp đất ông Lộc; Phía Tây giáp đất bà Lê Thị Kim H1; Phía Bắc giáp đường đi; Phía Nam giáp mương Cố, theo Trích lục bản đồ địa chính ngày 17/01/2018 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Ninh Thuận.

3/. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ tại giai đoạn phúc thẩm: Bà Lê Thị Kim H1 phải chịu 2.000.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Bà Lê Thị Kim H1 đã nộp đủ chi phí này.

4/. Về án phí sơ thẩm: Bà Lê Thị Kim H1 phải chịu 200.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào 200.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo Biên lai thu tạm ứng lệ phí, án phí Tòa án số 0011360 ngày 21/10/2016 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận. Bà Lê Thị Kim H1 đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5/. Về án phí dân sự phúc thẩm: Hoàn lại cho Bị đơn bà Lê Thị Kim H1 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo Biên lai thu tạm ứng lệ phí, án phí Tòa án số 0014202 ngày 12/09/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử phúc thẩm, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

(Kèm theo bản án là Trích lục bản đồ địa chính ngày 17/01/2018 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Ninh Thuận).

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Ninh Thuận;
- TAND TP PR-TC;
- Chi cục THADS TP PR-TC;
- Phòng KTNV& THA;
- Phòng HC-TP;
- Lưu (HS-AV).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Bích Hồng